



GIÁO TRÌNH MÔN HỌC **QUẢN LÝ NGÂN SÁCH**

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 1661/QĐ-CDGTVTTWI ngày
31/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I

Hà Nội, 2017

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

GIÁO TRÌNH

Môn học: Quản lý ngân sách

NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Hà Nội – 2017

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5
1. Tổng quan về ngân sách Nhà nước	6
1.1. Khái niệm ngân sách Nhà nước	6
1.2. Một số quan điểm về ngân sách Nhà nước	6
1.3. Đặc điểm của ngân sách Nhà nước	7
1.4. Chức năng của ngân sách Nhà nước.....	7
1.5. Vai trò của ngân sách Nhà nước	8
2. Tổ chức và phân cấp ngân sách Nhà nước	12
2.1. Khái niệm, căn cứ và nguyên tắc tổ chức hệ thống ngân sách Nhà nước.....	12
2.2. Phân cấp ngân sách Nhà nước.....	14
2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và các cơ Quan khác trong quản lý ngân sách Nhà nước.....	21
2.4. Mục lục ngân sách Nhà nước.....	23
3. Quá trình quản lý ngân sách Nhà nước	26
CHƯƠNG 2: THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.....	28
1. Những vấn đề chung về thu ngân sách Nhà nước.....	28
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thu ngân sách Nhà nước	28
1.2. Nguồn thu, các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước	29
2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước	32
1.3. Phân loại thu ngân sách Nhà nước	34
1.4. Quan điểm thu ngân sách Nhà nước.....	34
2. Những vấn đề chung về chi ngân sách Nhà nước	35
2.1. Khái niệm, đặc điểm, nội dung và phân loại ngân sách Nhà nước	35
2.2 Vai trò của chi NSNN.....	38
2.3. Những nguyên tắc và công cụ quản lý ngân sách Nhà nước	39
3. Chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển.....	45
3.1. Vai trò và đặc điểm của ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển	45
3.2. Nội dung của chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển	46
3.3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển.....	47
4. Chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp	51
4.1. Vai trò	51
4.2. Đặc điểm của chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp.....	51
4.3. Những nội dung chính của chi ngân sách Nhà nước cho hoạt động sự nghiệp	52
5. Chi ngân sách Nhà nước cho quản lý hành chính, quốc phòng, an ninh và chi khác	53
5.1. Vai trò, đặc điểm	53
5.2. Nội dung chi quản lý hành chính, an ninh quốc phòng và chi khác.....	54
5.3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện.....	56
CHƯƠNG 3: LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	58
1. Ý nghĩa của việc lập dự toán ngân sách Nhà nước	58
2. Yêu cầu và căn cứ lập dự toán	59
2.1. Yêu cầu	59

2.2. Căn cứ	59
3. Nhiệm vụ và quyền hạn	61
4. Biểu mẫu và phương pháp lập dự toán ngân sách Nhà nước	65
4.1. Biểu mẫu	65
4.2. Phương pháp lập dự toán ngân sách Nhà nước	66
CHƯƠNG 4: CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	69
1. Chấp hành ngân sách Nhà nước	69
1.1. Ý nghĩa, mục tiêu của chấp hành ngân sách	69
1.2. Nội dung tổ chức chấp hành ngân sách Nhà nước	69
1.3. Trách nhiệm của các cơ quan tài chính, và các cơ quan Nhà nước trong việc quản lý, cấp phát chi ngân sách Nhà nước	71
1.4. Thực hiện cấp phát các khoản chi thường xuyên, cấp phát các khoản đầu tư xây dựng cơ bản	72
1.5. Điều chỉnh thu chi trong chấp hành ngân sách Nhà nước	73
2. Quyết toán ngân sách Nhà nước	76
2.1. Nguyên tắc lập báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước	76
2.2. Trình tự lập, xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước ...	76
2.3. Thời hạn nộp báo cáo kế toán quý và báo cáo quyết toán năm	78
CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG THỊ TRẤN	79
1. Vị trí ngân sách xã trong hệ thống ngân sách Nhà nước	79
1.1. Khái niệm	79
1.2. Đặc điểm của ngân sách xã	79
1.3. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách xã	79
1.4. Vị trí của ngân sách xã trong hệ thống ngân sách Nhà nước	83
2. Lập dự toán ngân sách xã	83
2.1. Yêu cầu, căn cứ lập dự toán ngân sách xã	83
2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn về lập dự toán ngân sách xã	84
2.4. Tổng hợp trình duyệt, quyết định dự toán ngân sách xã	86
3. Chấp hành ngân sách xã	86
3.1. Lập dự toán thu chi quý	86
3.2. Căn cứ, phương pháp lập dự toán thu chi quý	86
3.3. Chấp hành thu ngân sách xã	87
3.4. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách	88
3.5. Lập lại cân đối mới trong quá trình chấp hành ngân sách xã	91
4. Quyết toán ngân sách xã	91
4.1. Yêu cầu của quyết toán ngân sách xã	91
4.2. Thẩm quyền phê chuẩn quyết toán ngân sách xã	92

LỜI NÓI ĐẦU

Quản lý ngân sách là môn khoa học nghiên cứu tính quy luật của sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia, nghiên cứu sự trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự vận động của các yếu tố sản xuất, sự chuyển đổi tiền tệ và cán cân thanh toán giữa các quốc gia, nghiên cứu các chính sách điều chỉnh quá trình vận động và trao đổi.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ, mỗi quốc gia cần phải tích cực và chủ động tham gia để đạt tới vị trí thuận lợi trong nền kinh tế thế giới. Điều đó có nghĩa là mỗi quốc gia cần phát triển mạnh mẽ lĩnh vực kinh tế đối ngoại, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và di chuyển quốc tế về lao động, hợp tác kinh tế về khoa học – công nghệ, các dịch vụ ngoại tệ.... Trên ý nghĩa đó việc nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế là rất cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và phương pháp luận, tạo điều kiện cho việc tổ chức và quản lý lĩnh vực kinh tế đối ngoại của mỗi quốc gia đạt hiệu quả cao.

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo chương trình khung của tổng cục dạy nghề ban hành Trường CĐ GTVTTW1 đã phân công giao nhiệm vụ cho tổ môn kế toán doanh nghiệp tổ chức biên soạn giáo trình Quản lý ngân sách. Là tài liệu chính thức sử dụng giảng dạy và học tập cho sinh viên, đồng thời là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến lĩnh vực này.

Nội dung của giáo trình gồm 5 chương

Chương 1: **Những vấn đề cơ bản về quản lý ngân sách nhà nước**

Chương 2: **Thu chi ngân sách nhà nước**

Chương 3: **Lập dự toán ngân sách**

Chương 4: **Chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách**

Chương 5: **Quản lý ngân sách xã, phường, thị trấn**

Do thời gian và trình độ có hạn nên giáo trình khó có thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để giáo trình hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Tổng quan về ngân sách Nhà nước

1.1. Khái niệm ngân sách Nhà nước

Luật ngân sách Nhà nước được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16/12/2002 quy định “Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”.

1.2. Một số quan điểm về ngân sách Nhà nước

Trong hệ thống tài chính Nhà nước, ngân sách Nhà nước là khâu tập trung giữ vai trò chủ đạo, cũng là khâu tài chính được hình thành sớm nhất, ra đời và tồn tại gắn với hệ thống quản lý Nhà nước. Song đến nay chưa có một quan niệm thống nhất về ngân sách Nhà nước. Trên thực tế người ta đã đưa ra nhiều định nghĩa về ngân sách Nhà nước không giống nhau tùy theo quan điểm định nghĩa thuộc trường phái kinh tế khác nhau, hoặc theo mục đích nghiên cứu. Hiện nay có hai quan niệm phổ biến:

Quan niệm 1: “Ngân sách Nhà nước là bản dự toán thu chi tài chính của Nhà nước trong thời gian nhất định, thường là 1 năm”.

Quan niệm 2: “Ngân sách Nhà nước là quỹ tiền tệ của Nhà nước”

Các quan niệm trên đã lột tả được mặt vật chất, nhưng chưa thể hiện được nội dung kinh tế của ngân sách Nhà nước tức phải xem xét trên các mặt hình thức, thực thể và quan hệ kinh tế chứa trong ngân sách Nhà nước.

Xét về hình thức: Ngân sách Nhà nước là bản báo cáo thu chi do Chính phủ lập ra, đệ trình lên Quốc hội phê duyệt và giao Chính phủ thực hiện.

Xét về thực thể: Ngân sách Nhà nước bao gồm các khoản thu cụ thể, những khoản chi cụ thể và định lượng.

Các khoản thu được nộp vào quỹ và các khoản chi rút từ quỹ đó.

Xét về quan hệ kinh tế. Chứa đựng trong ngân sách Nhà nước các khoản thu, chi đều phản ánh quan hệ nhất định giữa Nhà nước với người nộp; Nhà nước với cơ quan, đơn vị thụ hưởng.

Từ các phân tích trên chúng ta rút ra kết luận: “ngân sách Nhà nước phản ánh quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước trên cơ sở

luật định.

1.3. Đặc điểm của ngân sách Nhà nước

Ngân sách Nhà nước bao gồm những quan hệ tài chính như:

- Quan hệ tài chính Nhà nước với dân cư.
- Quan hệ Nhà nước với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt kinh tế Nhà nước.
- Quan hệ tài chính Nhà nước với các tổ chức xã hội.
- Các quan hệ tài chính trên có các đặc điểm sau:
 - Việc tạo lập và sử dụng các quỹ ngân sách Nhà nước luôn gắn với quyền lực Nhà nước và thực hiện các chức năng Nhà nước, được Nhà nước tiến hành trên cơ sở luật lệ nhất định.
 - Ngân sách Nhà nước gắn chặt với sở hữu Nhà nước, luôn chứa đựng lợi ích chung, lợi ích công cộng. Hoạt động thu - chi ngân sách Nhà nước là sự thể hiện các mặt hoạt động kinh tế-xã hội Nhà nước, là việc xử lý các quan hệ lợi ích trong xã hội khi Nhà nước tham gia phân phối tài chính quốc gia thể hiện cả trong phân phối thu nhập của các doanh nghiệp, dân cư, phân bổ nguồn lực cho kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngân sách Nhà nước cũng có đặc điểm như quỹ tài chính khác. Nét riêng biệt của ngân sách Nhà nước với tư cách là một quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước là nó được chia thành nhiều quỹ nhỏ, có tác dụng riêng và chỉ ngân sách Nhà nước mới được dùng cho những mục đích nhất định.

Hoạt động thu, chi ngân sách Nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp chủ yếu.

Nghiên cứu những đặc điểm của ngân sách Nhà nước không những cho phép tìm được phương pháp, phương thức quản lý ngân sách Nhà nước có hiệu quả hơn, mà còn giúp chúng ta nhận thức, phát huy tốt hơn các chức năng, vai trò của ngân sách Nhà nước.

1.4. Chức năng của ngân sách Nhà nước

1.4.1. Chức năng phân phối

Khác với chức năng phân phối của các phạm trù giá trị khác, chức năng phân phối của ngân sách Nhà nước mang đặc trưng riêng sau :

Chủ thể phân phối: Phân phối của ngân sách Nhà nước gắn với một chủ thể duy nhất là Nhà nước. Nhà nước sử dụng NSNN làm công cụ phân phối GDP, cùng các nguồn tài chính khác nhằm hình thành quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng

trong phạm vi toàn xã hội.

Đối tượng phân phối: Là toàn bộ GDP được biểu hiện dưới hình thức giá trị.

Đặc điểm phân phối: Không mang tính hoàn trả trực tiếp và dựa trên quyền lực kinh tế, chính trị của Nhà nước. Phân phối của ngân sách Nhà nước vừa có thể gắn với việc sử dụng trực tiếp liền ngay sau quá trình phân phối, vừa có thể hình thành quỹ tiền tệ với những mục đích khác nhau trong nền kinh tế.

+ Sự phân phối của ngân sách Nhà nước vào GDP được thực hiện bằng những phương pháp khác nhau, có thể thực hiện bằng phương pháp cưỡng chế “thu bắt buộc”, có thể thực hiện bằng phương pháp tự nguyện “viện trợ, biểu tặng”, dù sử dụng phương pháp nào, phân phối của ngân sách Nhà nước cũng có tác dụng to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội.

+ Phân phối ngân sách Nhà nước mang tính hai mặt rõ ràng, nó phụ thuộc vào chính sách sử dụng ngân sách Nhà nước trong từng giai đoạn. Nếu chính sách phân phối ngân sách đúng đắn, phù hợp quy luật sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Nếu phân phối trái với quy luật sẽ kìm hãm sự phát triển, gây rối ren trong lĩnh vực phân phối và lưu thông, tạo sự bất công trong xã hội

1.4.2. Chức năng giám đốc.

Cũng như chức năng của tài chính nói chung, chức năng giám đốc của ngân sách Nhà nước cũng được thực hiện bằng tiền, nó kiểm tra việc giám sát đôn đốc quá trình tạo lập và sử dụng quỹ ngân sách Nhà nước trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Trong thực tiễn, chức năng giám đốc của ngân sách Nhà nước được thực hiện bởi cơ quan tài chính, thuế, kho bạc Nhà nước...

Nội dung kiểm tra của ngân sách Nhà nước bao gồm :

+ Kiểm tra việc chấp hành chính sách, chế độ, thể lệ của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính.

+ Kiểm tra quá trình sử dụng vốn của ngân sách Nhà nước. Mục đích của kiểm tra ngân sách Nhà nước gồm :

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước

+ Phát huy vai trò tích cực của ngân sách Nhà nước đối với quá trình tổ chức, quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách Nhà nước, làm cho hoạt động ngân sách Nhà nước phù hợp cơ chế quản lý Nhà nước.

1.5. *Vai trò của ngân sách Nhà nước*

Ngân sách Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động kinh tế

- xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại của đất nước, tuy nhiên vai trò của ngân sách bao giờ cũng gắn liền với vai trò của đất nước trong một thời kỳ nhất định. Trong nền kinh tế thị trường, ngân sách Nhà nước đảm nhận vai trò quản lý vĩ mô đối với toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

a. Ngân sách Nhà nước là công cụ chủ yếu phân bổ trực tiếp hoặc gián tiếp các nguồn tài chính quốc gia, định hướng phát triển sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững.

Vốn ngân sách Nhà nước là nguồn tài chính có tính chất chủ đạo trong quá trình vận động của toàn bộ vốn xã hội. Bởi lẽ, qua thu, phần lớn nguồn tài chính quốc gia được tập trung vào ngân sách nhằm đáp ứng nhu cầu của Nhà nước, các khoản chi của ngân sách có ý nghĩa quốc gia, có phạm vi tác động rộng lớn nhằm vào các mục tiêu của chiến lược kinh tế và thông qua mọi hoạt động thu chi của vốn ngân sách, Nhà nước thực hiện việc hướng dẫn, chi phối các nguồn tài chính ở các chủ thể khác trong xã hội. Vì vậy, qua việc phân bổ nguồn tài chính của ngân sách Nhà nước, Nhà nước trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến mức độ, cơ cấu của các nguồn tài chính ở các chủ thể đó theo định hướng của Nhà nước.

Thông qua các khoản chi kinh tế và chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế; phát triển những ngành, lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh; ưu tiên các ngành mũi nhọn có khả năng cạnh tranh trên thị trường; đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng thuộc thế mạnh xuất khẩu..., Chính phủ có thể tạo điều kiện và hướng nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào những lĩnh vực, những vùng cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế mới cũng như tạo ra môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Các khoản chi này của ngân sách Nhà nước không thu hồi trực tiếp, nhưng hiệu quả của nó lại được tính bằng sự tăng trưởng của GDP, sự phân bổ chung hợp lý của nền kinh tế hoặc bằng các chỉ tiêu khác như tạo ra khả năng tốc độ lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ...

Thông qua thu ngân sách, chủ yếu là thuế, cũng góp phần định hướng phát triển sản xuất. Việc đặt ra các loại thuế với thuế suất ưu đãi, các quy định miễn, giảm thuế... có tác dụng kích thích mạnh mẽ đối với doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư vào nơi cần thiết, ngược lại, một chính sách thuế khắt khe sẽ giảm bớt luồng di chuyển vốn vào nơi cần hạn chế sản xuất kinh doanh.

Rõ ràng là chính sách thu, chi ngân sách gắn liền với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ trực tiếp cho chính sách này của Nhà nước.

b. Ngân sách Nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và

kiềm chế lạm phát.

Trong nền kinh tế thị trường, quy luật cung cầu chi phối thị trường rất mạnh mẽ. Mọi sự biến động của giá cả đều có nguyên nhân từ sự mất cân đối cung cầu. Người kinh doanh nói chung rất nhạy cảm với tình hình giá cả để di chuyển nguồn vốn từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác. Nhưng đối với người sản xuất, sự di chuyển này là rất khó khăn và đối với nguồn kinh tế, thì việc di chuyển vốn sẽ gây ra những phản ứng dây chuyền dẫn tới làm mất sự ổn định của cơ cấu. Vì vậy, Chính phủ cần có sự tác động tích cực đến thị trường nhằm đảm bảo lợi ích cho cả người sản xuất và người tiêu dùng, cũng như để giữ vững cơ cấu kinh tế đã được hoạch định.

Đối với thị trường hàng hóa, hoạt động điều tiết của Chính phủ được thực hiện thông qua việc sử dụng các quỹ dự trữ của Nhà nước (bằng tiền, bằng ngoại tệ, các loại hàng hóa, vật tư chiến lược...) được hình thành từ nguồn thu của ngân sách Nhà nước. Một cách tổng quát, cơ chế điều tiết là khi giá cả của một loại hàng hóa nào đó lên cao, để kìm hãm và chống đầu cơ, Chính phủ đưa dự trữ hàng hóa đó ra thị trường để tăng cung, trên cơ sở đó sẽ bình ổn được giá cả, Còn khi giá cả một loại hàng hóa nào đó bị giảm mạnh, có khả năng gây thiệt hại cho người sản xuất tạo ra xu hướng di chuyển vốn sang lĩnh vực khác, Chính phủ sẽ bỏ tiền để mua các hàng hóa đó theo một giá nhất định nhằm đảm bảo quyền lợi cho người sản xuất. Bằng công cụ thuế và chính sách chi tiêu ngân sách Nhà nước, Chính phủ có thể tác động vào tổng cung hoặc tổng cầu để góp phần ổn định giá cả trên thị trường.

Đối với thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường sức lao động, hoạt động điều tiết của Chính phủ thông qua việc thực hiện một cách đồng bộ giữa các công cụ tài chính, tiền tệ, giá cả... trong đó công cụ ngân sách với các biện pháp như phát hành công trái, chi trả nợ, các biện pháp tiêu dùng của Chính phủ cho toàn xã hội, đào tạo...

Như vậy thu, đặc biệt là thuế, chi tiêu, dự trữ Nhà nước có tác động rất lớn đến quan hệ cung cầu và bình ổn giá cả thị trường.

Kiểm chế lạm phát luôn được coi là mục tiêu trọng yếu trong điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế-xã hội của quốc gia. Lạm phát, với sự bùng nổ các cơn sốt về giá, gây ra những hậu quả nặng nề cho nền kinh tế, cho người sản xuất và người tiêu dùng. Giữa lạm phát và hoạt động thu - chi của ngân sách Nhà nước luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy, có thể khẳng định, các giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát đều liên quan đến hoạt động của ngân sách Nhà nước.

Khi xảy ra lạm phát, giá cả tăng lên do cung cầu mất cân đối (cung nhỏ hơn

cầu), Chính phủ có thể sử dụng biện pháp thuế như tăng thuế tiêu dùng, giảm thuế đối với đầu tư và thắt chặt chi tiêu của ngân sách Nhà nước, nhất là các khoản chi cho tiêu dùng để nâng đỡ và giảm bớt cầu.

c. Ngân sách Nhà nước là công cụ có hiệu lực của Nhà nước để điều chỉnh trong lĩnh vực thu nhập, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội.

Một mâu thuẫn gay gắt đang nảy sinh ở nước ta hiện nay là mâu thuẫn giữa tính nhân đạo của chủ nghĩa xã hội và quy định khắt khe của nền kinh tế thị trường xung quanh vấn đề thu nhập, việc làm và phúc lợi xã hội. Vấn đề đặt ra là phải có một chính sách phân phối hợp lý thu nhập của toàn xã hội, nhất là những người nghèo khổ. Việc sử dụng ngân sách Nhà nước như một công cụ để điều chỉnh vĩ mô trong lĩnh vực thu nhập đối với các thành viên của xã hội nhằm thực hiện công bằng xã hội về thu nhập, đảm bảo và ổn định cuộc sống của các tầng lớp dân cư, đảm bảo vai trò kích thích của thu nhập đối với sự phát triển đời sống vật chất và khống chế mức tiêu dùng phù hợp với trình độ, năng lực sản xuất của nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần đang trong quá trình hình thành và phát triển.

Chính sách ngân sách, cụ thể là chính sách thuế và chính sách chi ngân sách, góp phần làm giảm bớt sự chênh lệch quá lớn về thu nhập và tiền lương giữa những người làm việc trong khu vực sản xuất kinh doanh, khu vực hành chính, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng; giữa những người sống ở thành thị, nông thôn, miền núi, hải đảo nhằm ổn định đời sống của các tầng lớp dân cư trong phạm vi cả nước.

d. Ngân sách Nhà nước đối với việc củng cố, tăng cường sức mạnh bộ máy Nhà nước, bảo vệ đất nước và giữ gìn an ninh.

Ngân sách Nhà nước là công cụ tài chính quan trọng nhất để cung ứng nguồn tài chính cho hoạt động của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến xã, phường. Ở nước ta, nguồn ngân sách Nhà nước hầu như là nguồn duy nhất để phục vụ cho các hoạt động của bộ máy Nhà nước từ các cơ quan quyền lực, cơ quan hành chính Nhà nước đến các cơ quan tư pháp, ngân sách Nhà nước còn cung ứng nguồn tài chính cho Đảng Cộng sản lãnh đạo hoạt động, tài trợ cho các tổ chức xã hội mà nguồn tài chính của các tổ chức này không đảm bảo. Như vậy, có thể nói, cả hệ thống chính trị của nước ta đều do ngân sách Nhà nước cung ứng nguồn tài chính.

e. Vai trò kiểm tra của ngân sách Nhà nước.

Ngân sách Nhà nước có mối quan hệ mật thiết với các khâu tài chính khác trong hệ thống tài chính quốc gia. Nó thể hiện ở chỗ: Các khâu tài chính khác đều phải

làm nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; mặt khác lại nhận được sự tài trợ, hỗ trợ của ngân sách Nhà nước dưới những hình thức khác nhau trực tiếp hoặc gián tiếp.

Xuất phát từ lợi ích chung, ngân sách Nhà nước kiểm tra các hoạt động tài chính khác không chỉ trong việc làm nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp, trong việc sử dụng các nguồn tài chính Nhà nước, sử dụng các tài sản quốc gia, mà còn trong việc thực hiện các pháp luật, chính sách về ngân sách cũng như các pháp luật, chính sách có liên quan.

Kiểm tra của ngân sách Nhà nước gắn chặt với quyền lực Nhà nước, nhất là quyền lực của hệ thống hành chính Nhà nước. Nó là một loại kiểm tra đơn phương theo hệ thống thứ bậc cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính Nhà nước các cấp về nghĩa vụ phải thực hiện đối với ngân sách cũng như việc sử dụng vốn, kinh phí, tài sản Nhà nước. Như vậy, kiểm tra ngân sách Nhà nước đối với các hoạt động tài chính khác là một mặt trong hoạt động quản lý và kiểm tra của Nhà nước, có tác động sâu sắc tới các hoạt động tài chính khác có vai trò quan trọng góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và dân chủ.

2. Tổ chức và phân cấp ngân sách Nhà nước

2.1. Khái niệm, căn cứ và nguyên tắc tổ chức hệ thống ngân sách Nhà nước.

a) Khái niệm:

Hệ thống ngân sách Nhà nước là tổng thể các cấp ngân sách Nhà nước gắn bó hữu cơ với nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu chi mỗi cấp ngân sách.

b) Căn cứ

Sự hình thành hệ thống ngân sách Nhà nước bắt nguồn từ sự hình thành hệ thống chính quyền Nhà nước các cấp và quá trình thực hiện phân cấp quản lý kinh tế xã hội giữa các cấp chính quyền. Quá trình hình thành hệ thống chính quyền Nhà nước các cấp là một tất yếu khách quan của mọi chủ thể chính trị nhằm cho những chức năng vốn có của Nhà nước được thực thi. Sự ra đời của hệ thống chính quyền Nhà nước các cấp đòi hỏi nhu cầu chi tiêu ở mỗi cấp chính quyền là một tiền đề xuất hiện hệ thống ngân sách Nhà nước các cấp.

Song trên thực tế, việc tổ chức hệ thống các cấp ngân sách không bắt buộc theo nguyên tắc mỗi cấp chính quyền phải hình thành một cấp ngân sách tương đương, việc hình thành mỗi cấp ngân sách Nhà nước tương đối hoàn chỉnh trong thực tiễn phụ thuộc phần lớn vào mức độ phân cấp quản lý kinh tế xã hội cho chính quyền các cấp và khả năng điều hành quản lý ngân sách của mỗi cấp chính

quyền. Mức độ phân cấp quản lý kinh tế xã hội cho chính quyền Nhà nước đã tạo ra sự cần thiết và khả năng hình thành một cấp ngân sách tương ứng với một cấp chính quyền.

Như vậy sự hình thành hệ thống ngân sách Nhà nước gồm một số cấp ngân sách hoàn chỉnh xuất phát từ cách tổ chức bộ máy chính quyền Nhà nước và mức độ phân cấp quản lý kinh tế xã hội cho các cấp chính quyền.

c) Tổ chức hệ thống ngân sách Nhà nước dựa trên hai nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất và tập trung dân chủ.

Trong hoạt động ngân sách điều này có tầm quan trọng đặc biệt. Một mặt đảm bảo sự thống nhất ý trí và lợi ích qua phân bổ ngân sách để có hàng hóa và dịch vụ công cộng có tính chất quốc gia. Mặt khác nó đảm bảo phát huy tính chủ động và sáng tạo của các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong giải quyết từng vấn đề cụ thể. Tập trung không phải độc đoán chuyên quyền mà trên cơ sở phát huy dân chủ.

Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp cấp ngân sách với cấp chính quyền Nhà nước.

Nhằm đảm bảo cho nguyên tắc thống nhất và tập trung dân chủ. Hiện nay theo Luật ngân sách Nhà nước, hệ thống ngân sách gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

Ngân sách trung ương bao gồm các đơn vị dự toán của cấp này. Mỗi bộ, mỗi cơ quan trung ương là một đơn vị dự toán của ngân sách trung ương.

Ngân sách địa phương là tên chung để chỉ các cấp ngân sách chính quyền bên dưới phù hợp với địa giới hành chính các cấp. Ngân sách xã, phường, thị trấn vừa là một cấp ngân sách vừa là bộ phận cấu thành ngân sách huyện, quận. Ngân sách huyện, quận vừa là một cấp ngân sách vừa là bộ phận cấu thành ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ngân sách xã, phường, thị trấn chưa có đơn vị dự toán ra, các cấp ngân sách khác đều bao gồm một số đơn vị dự toán của cấp ngân sách ấy hợp thành.

Ngân sách trung ương cung ứng nguồn tài chính cho các nhiệm vụ, mục tiêu chung cả nước trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hỗ trợ chuyển giao nguồn tài chính cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngân sách địa phương cung ứng tài chính cho nhiệm vụ của chính quyền Nhà nước ở địa phương và hỗ trợ chuyển giao tài chính cho chính quyền cấp dưới.

2.2. Phân cấp ngân sách Nhà nước

2.2.1. Khái niệm phân cấp ngân sách Nhà nước

Phân cấp quản lý ngân sách là quá trình Nhà nước trung ương phân giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm nhất định cho chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước.

Khi nói tới phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước người ta thường hiểu theo nghĩa trực diện, dễ cảm nhận đó là việc phân giao nhiệm vụ thu chi giữa các cấp chính quyền. Thực chất nội dung phân cấp rộng hơn nhiều. Nó giải quyết mối quan hệ giữa chính quyền Nhà nước trung ương và các cấp chính quyền địa phương trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động ngân sách Nhà nước.

2.2.2. Nội dung của phân cấp ngân sách Nhà nước

Trong quá trình quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước giữa các cấp chính quyền thường nảy sinh các quan hệ quyền lực, quan hệ vật chất. Giải quyết các mối quan hệ đó được coi là nội dung cơ bản của phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước. Cụ thể phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Giải quyết mối quan hệ quyền lực giữa các cấp chính quyền trong việc ban hành các chính sách, chế độ thu chi, chế độ quản lý ngân sách Nhà nước. Đây là một trong những nội dung tất yếu của phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước.

Qua phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước phải xác định rõ quyền hạn ban hành các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn định mức, phạm vi mức độ quyền hạn của mỗi cấp trong việc ban hành chính sách, chế độ ngân sách Nhà nước.

Về cơ bản, Nhà nước trung ương vẫn giữ vai trò quyết định các loại thu như thuế, phí, lệ phí, vay nợ và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước.

Ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chế độ chi ngân sách, phù hợp với đặc điểm thực tế ở địa phương. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính việc ban hành các chế độ chi ngân sách ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định một số chế độ thu phí gắn với quản lý

đất đai, tài nguyên thiên nhiên, gắn với chức năng quản lý hành chính Nhà nước của chính quyền địa phương và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi ngân sách cấp tỉnh được quy định theo những điều kiện nghiêm ngặt nhằm tránh tình trạng sử dụng vốn phi hiệu quả, chồng chất nợ nần lên chính quyền trung ương. Ví dụ: công trình phải có trong kế hoạch đầu tư năm năm thuộc nguồn ngân sách cấp tỉnh bảo đảm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; dự kiến nguồn bảo đảm trả nợ của ngân sách cấp tỉnh; mức dư nợ từ nguồn vốn huy động không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh...

Giải quyết mối quan hệ vật chất trong quá trình phân giao nhiệm vụ chi, nguồn thu và cân đối ngân sách Nhà nước:

Trong phân cấp quản lý ngân sách, việc giải quyết mối quan hệ vật chất giữa các cấp chính quyền thường phức tạp nhất, bởi lẽ mối quan hệ này là mối quan hệ lợi ích. Để giải quyết nó, cần xác định rõ nhiệm vụ kinh tế, chính trị của mỗi cấp chính quyền, khả năng tạo nguồn thu trên từng địa bàn mà chính quyền đó quản lý, đồng thời nghiên cứu, sử dụng các phương pháp điều hòa thích hợp.

Trong Luật Ngân sách Nhà nước quy định cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được ổn định từ 3 đến 5 năm. Bao gồm các khoản thu mà từng cấp được hưởng 100%; các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cũng như nhiệm vụ chi của từng cấp trên cơ sở quán triệt các nguyên tắc phân cấp trên đây.

Ngân sách trung ương hưởng các khoản thu tập trung quan trọng không gắn trực tiếp với công tác quản lý của địa phương như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thu từ dầu thô... hoặc không đủ căn cứ chính xác để phân chia như: thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.

Ngân sách trung ương chi cho các hoạt động có tính chất bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia như: chi đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội, chi quốc phòng, an ninh, chi giáo dục, y tế, chi bảo đảm xã hội do Trung ương quản lý... và hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được thu, chi ngân sách.

Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu để đảm bảo chủ động thực hiện những nhiệm vụ được giao, gắn trực tiếp với công tác quản lý tại địa phương như: thuế nhà đất, thuế môn bài, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao...

Chi ngân sách địa phương chủ yếu gắn liền với nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh do địa phương trực tiếp quản lý. Việc đẩy mạnh phân cấp quản lý ngân sách trong điều kiện tự nhiên, xã hội và trình độ quản lý ở các vùng, miền khác nhau là động lực quan trọng để khơi dậy các khả năng của địa phương, xử lý kịp thời các nhiệm vụ của Nhà nước trên phạm vi từng địa phương.

Ngân sách cấp trên thực hiện nhiệm vụ bổ sung ngân sách cho cấp dưới dưới hai hình thức: bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu.

Đảm bảo nguồn lực cho chính quyền cơ sở cũng được Luật ngân sách hết sức quan tâm. Luật ngân sách Nhà nước quy định các nguồn thu về nhà đất phải phân cấp không dưới 70% cho ngân sách xã, đối với lệ phí trước bạ thì phải phân cấp không dưới 50% cho ngân sách các thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Giải quyết mối quan hệ trong quá trình thực hiện chu trình ngân sách.

Mặc dù ngân sách Việt Nam vẫn nằm trong tình trạng ngân sách lồng ghép giữa các cấp chính quyền trong chu trình ngân sách nhưng quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách và phê chuẩn quyết toán ngân sách đã được tăng lên đáng kể.

Ngoài các quyền có tính chất truyền thống như: quyết định dự toán ngân sách địa phương; phân bổ ngân sách địa phương; phân bổ dự toán chi ngân sách cho sở, ban, ngành theo từng lĩnh vực cụ thể, quyết định số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng ngân sách cấp dưới; trực tiếp phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn có nhiệm vụ:

Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương.

Quyết định tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và các khoản thu có phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương.

Ngoài ra, việc tổ chức lập ngân sách ở các địa phương được phân cấp cho ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể cho từng cấp ở địa phương. Thảo luận về dự toán với cơ quan tài chính chỉ thực hiện vào năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách, các năm tiếp theo chỉ tiến hành khi địa phương có đề nghị.

Giải quyết tốt mối quan hệ trong việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước, đó chính là nội dung phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước.

2.2.3. Các nguyên tắc quản lý ngân sách Nhà nước

Nhằm giải quyết các mối quan hệ nói trên, trong phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước cần phải thực hiện một số nguyên tắc nhất định:

Phân cấp quản lý ngân sách phải được tiến hành đồng bộ với phân cấp kinh tế và tổ chức bộ máy hành chính.

Tuân thủ nguyên tắc này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết mối quan hệ vật chất giữa các cấp chính quyền, xác định rõ nguồn thu trên địa bàn và quy định nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền một cách chính xác.

Phân cấp kinh tế là tiền đề và điều kiện bắt buộc để thực hiện phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước; tổ chức bộ máy Nhà nước là cơ sở để xác định phạm vi, mức độ của ngân sách Nhà nước ở mỗi cấp chính quyền. Trong tương lai không xa, với việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế và cải cách bộ máy hành chính, các cấp chính quyền địa phương sẽ không còn được giao chức năng quản lý kinh tế thì nguyên tắc này sẽ được thay đổi một cách tương ứng.

Đảm bảo thể hiện vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và vị trí độc lập của ngân sách địa phương trong hệ thống ngân sách thống nhất.

Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương là một đòi hỏi khách quan, bắt nguồn từ vị trí, vai trò của chính quyền trung ương đã được Hiến pháp quy định đối với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

Ngân sách trung ương trên thực tế là ngân sách của cả nước, tập trung đại bộ phận nguồn thu của quốc gia và thực hiện các khoản thu chủ yếu của quốc gia.

Vị trí độc lập của ngân sách địa phương được thể hiện: các cấp chính quyền có quyền lập, chấp hành và quyết toán ngân sách của mình trên cơ sở chính sách, chế độ đã ban hành. Mặt khác, các cấp chính quyền phải chủ động, sáng tạo trong việc động viên, khai thác các thế mạnh của địa phương để tăng nguồn thu, đảm bảo chi, thực hiện cân đối ngân sách của cấp mình.

Đảm bảo nguyên tắc công bằng trong phân cấp ngân sách.

Để giải quyết đúng đắn mối quan hệ vật chất giữa các cấp chính quyền, việc giao nhiệm vụ thu, chi cho địa phương phải căn cứ vào yêu cầu cân đối chung của cả nước, nhưng phải cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất sự chênh lệch về kinh tế, văn hóa, xã hội do hậu quả của phân cấp nảy sinh giữa các vùng lãnh thổ.

2.2.4. Phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách

2.2.4.1. Nguồn thu của ngân sách trung ương gồm:

a) Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu.

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá nhập khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.

Các khoản thuế và thu khác từ dầu, khí theo quy định của Chính phủ.

Tiền thu hồi vốn của ngân sách trung ương tại các tổ chức kinh tế, thu hồi tiền cho vay của ngân sách trung ương (cả gốc và lãi), thu từ quỹ dự trữ tài chính của trung ương, thu nhập từ vốn góp của Nhà nước.

Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam.

Các khoản phí, lệ phí nộp vào ngân sách trung ương.

Thu kết dư ngân sách trung ương

Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

b) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

Thuế giá trị gia tăng, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập.

Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, không kể thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài từ lĩnh vực dầu, khí.

Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước.

Phí xăng, dầu.

2.2.4.2. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:

a. Chi đầu tư phát triển:

Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do trung ương quản lý.

Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước.

Chi bổ sung dự trữ Nhà nước.

Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

b. Chi thường xuyên:

Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý.

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý.

Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, không kể phần giao cho địa phương.

Hoạt động của các cơ quan trung ương của Nhà nước, Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội

Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

Các chương trình quốc gia do trung ương thực hiện.

Hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ.

Trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội do trung ương đảm nhận.

Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở trung ương theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

c. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay.

d. Chi viện trợ

e. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

f. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của trung ương;

g. Chi bổ sung cho ngân sách địa phương

2.2.4.3. Nguồn thu của ngân sách địa phương gồm:

a. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:

Thuế nhà, đất.

Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ dầu, khí.

Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Tiền sử dụng đất.

Tiền cho thuê đất.

Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

Lệ phí trước bạ.

Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

Thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của địa phương, thu nhập từ vốn góp của địa phương.

Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá